TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2021/DS-ST
Ngày: 04-3-2021.
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nghiêm Xuân Hoàng

Bà Nguyễn Thị Huỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 853/2020/TLST-DS ngày 02/11/2020 về "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 15/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-DS ngày 02/02/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T.

Trụ sở: Lầu 8, 266-268 N, Phường A, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng L - Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T - Chi nhánh T.

(Giấy ủy quyền số: 3930/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1978. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 231 V, phường L, quận TĐ, Thành phố phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số: 1580/2020/UQ - CNTĐ ngày 30/9/2020)

- *Bị đơn:* Ông Lê Viết H, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 108/87/6 T, Phường 5, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T (người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Bùi Văn N) trình bày:

Ngày 10/12/2017, ông Lê Viết H có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông Hùng, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp tín dụng, ông H thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 480.230.979 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông H còn phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 462.989.000 đồng. Tổng số tiền này được thanh toán áp dụng theo Điều 20 Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước;

- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;

- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;

- Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ;

- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;

- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H không có thiện chí trả nợ. Do ông Hùng vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 30/4/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 và khoản 1.9 Điều 1 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 23.737.232 đồng là nợ gốc, áp dụng lãi suất quá hạn 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Tính đến ngày 04/3//2021, ông H còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc là 23.737.232 đồng;

(Nợ phát sịnh đầu kì 31/01/2020 + giao dịch + phí trễ hạn + lãi + phí (phí vượt hạn mức và phí thường niên) – số tiền thanh toán), tính đến ngày 30/4/2020:

= 20.226.635 + (80.000 + 180.198 + 285.710 + 401.008) + (646.672 + 528.326 + 585.931 + 591.162) + (50.000 + 50.000 + 50.000 + 61.590) = 23.737.232 đồng.

- Lãi suất trong hạn: 2.6%/tháng, lãi suất từ ngày 31/5/2020 trở đi (lãi suất quá hạn): 3.9%/tháng (2.6% * 150%);

- Khoản thanh toán tối thiểu: 5% dư nợ cuối kỳ (tối thiểu 100.000 đồng);

- Phí chậm thanh toán: 6% số tiền chậm thanh toán (tối thiểu 80.000 đồng);

- Phí vượt hạn mức: 0.075%/ngày (tối thiểu 50.000 đồng);

- Phí thường niên: 399.000 đồng;

- Phí rút tiền mặt: 4% số tiền giao dịch (tối thiểu 60.000 đồng)

- Lãi quá hạn: 9.504.264 đồng;

Tổng cộng: 33.241.496 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 23.737.232 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng (2.6% x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ gốc còn lại cho đến khi ông Hùng thanh toán hết nợ vay quá hạn cho Ngân hàng.

Do ông H không thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/3/2021 là 33.241.496 đồng, trong đó nợ gốc là 23.737.232 đồng và lãi là 9.504.264 đồng. Ngoài ra, ông H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 04/3/2021 cho đến khi thanh toán dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Lê Viết Hg, quá trình xét xử và tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Bùi Văn Nam có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Viết H thanh toán tiền nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/12/2017. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng cấp tín dụng giữa nguyên đơn với khách hàng cá nhân, là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/12/2017, địa chỉ của ông H là 108/87/6 T, Phường 5, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 853/2020/QĐ-CCTLCC ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường 5, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông H, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 108/87/6 T, Phường 5, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện nay không còn ở tại địa phương, đã chuyển đi đâu không rõ từ tháng 11/2018 đến nay.

Theo Điều 10 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì việc thay đổi thông tin của chủ thẻ phải thông báo cho đơn vị phát hành thẻ. Xét, trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn ông H. Nay ông H vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Do đó, xác định nơi cư trú cuối cùng của ông Hùng là 108/87/6 T, Phường 5, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T và ông H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Ngày 25/12/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Bùi Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn ông H nhưng ông H không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có ý kiến phản bác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

[2] Nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 23.737.232 đồng của thẻ quốc tế Visa hạng vàng, số thẻ 472075-3437:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ông Hùng đã ký ngày 10/12/2017, nội dung đề nghị Ngân hàng cấp thẻ quốc tế Visa hạng vàng và Ngân hàng phê duyệt hạn mức 20.000.000 đồng. Ông H cũng xác nhận đã đọc và đồng ý bị ràng buộc với bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là đơn vị phát hành thẻ (viết tắt là Bản điều khoản). Nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/12/2017 phù hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98

Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 5 Quyết định số: 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Ngân hàng Nhà nước ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng, nên có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp, quá trình sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 31/01/2018 đến ngày 31/12/2019, ông H đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 480.230.979 đồng và phát sinh các khoản phí thường niên, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức và tiền lãi. Từ ngày 31/01/2018 đến ngày 31/12/2019, ông H đã thanh toán nhiều lần cho Ngân hàng với tổng số tiền là 462.989.000 đồng, thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản. Từ ngày 31/01/2020, ông H không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Theo Điều 2, Điều 8 và Điều 23 của Bản điều khoản, ngày 30/4/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số nợ gốc là 23.737.232 đồng, bao gồm các giao dịch, phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức được tính theo thỏa thuận tại Bản điều khoản.

Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/12/2017 và Bản điều khoản, yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu ông H thanh toán nợ gốc là 23.737.232 đồng của thẻ quốc tế Visa hạng vàng số thẻ 472075-3437, là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 04/3/2021 là 9.504.264 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 05/3/2021 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng đã ký:

Theo Quyết định số: 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 v/v ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam của Ngân hàng, thì lãi suất thẻ tín dụng là 2.6%/tháng. Tại mục 1.27 Điều 1 của Bản điều khoản áp dụng mức lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Căn cứ Điều 1 của Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, lãi suất quá hạn Ngân hàng áp dụng là 3.9%/tháng (2.6% x 150%) phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 23.737.232 đồng với lãi suất quá hạn từ 3.9%/tháng (2.6% x 150%) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ gốc còn lại đến khi ông Hùng thanh toán hết nợ, cụ thể tiền lãi quá hạn từ ngày 30/4/2020 đến ngày 04/3/2021 là 9.504.264 đồng.

Đồng thời căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/12/2017.

Từ những nhận định trên, yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày ngày 04/3/2021 là 33.241.496 đồng (trong đó nợ gốc là 23.737.232 đồng, lãi quá hạn là 9.504.264 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.662.075 đồng, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 711.000 đồng theo biên lai thu số 0019413 ngày 28/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 5 Quyết định số: 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Ngân hàng Nhà nước ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng;

Căn cứ Điều 1 Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T.

Ông Lê Viết H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T tổng số tiền 33.241.496đ (ba mươi ba triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 23.737.232đ (hai mươi ba triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi hai đồng) và lãi quá hạn là 9.504.264đ (chín triệu năm trăm lẻ bốn nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng), tạm tính đến ngày 04/3/2021.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Viết H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/12/2017 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T và ông Lê Viết H.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Viết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.662.075đ (một triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 711.000đ (bảy trăm mười một nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019413 ngày 28/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Văn Thị Ngọc Mỹ